

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HOÀ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Án số: 17/2021/DS-PT

Ngày: 15 - 4 - 2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HOÀ

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Viên

Các Thẩm phán:

Bà Lê Thị Hiền

Ông Võ Đình Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thiên Hương - Kiểm sát viên. Vắng mặt

Ngày 14, 15 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 01/2021/TLPT-DS ngày 04 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2020/DSST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 20/2021/QĐ-PT ngày 16 tháng 3 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 22/2021/QĐ-PT ngày 23 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng P, trụ sở: 25 C, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Quang Tr – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Thị Hoài Th, Trưởng phòng tín dụng chi nhánh Ngân hàng Ph khu vực N, địa chỉ: 65 Y, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (Giấy ủy quyền số 14/GUQ-NHPT.KHO-NTH ngày 10/8/2020). Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Công ty TNHH MTV Đóng tàu Nha Trang, địa chỉ: 01 T, B, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Anh T – Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị L, Kế toán trưởng (Giấy ủy quyền số 08/UQ-NTS-TCHC ngày 12/6/2019). Có mặt tại phiên tòa

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Tổng công ty Công nghiệp T , địa chỉ: 172 N, G, B, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Cao Thành Đ – Tổng Giám đốc
Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện, quá trình tranh tụng và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phan Thị Hoài Th trình bày:*

Dự án nâng cấp Nhà máy Đóng tàu Nh do Tổng công ty Công nghiệp T Việt Nam (nay là Tổng công ty Công nghiệp T , gọi tắt là SBIC) làm chủ đầu tư được vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước tại quỹ Hỗ trợ Phát triển (năm 2006 đổi tên thành Ngân hàng Ph) theo Hợp đồng tín dụng số 02/HĐTD ngày 10/4/2000 và Hợp đồng tín dụng số 06/2001/HĐTD ngày 18/7/2001. Các khoản vay được Nhà máy Đóng tàu Nh (thành viên của Tổng công ty Công nghiệp T Việt Nam) ký nhận nợ theo ủy quyền và bảo lãnh nhận nợ số 1250 CNT/KHĐT-TM ngày 29/12/1999 của SBIC. Năm 2003, Nhà máy Đóng tàu Nh đổi tên thành Công ty Công nghiệp Tàu thủy Nha Trang (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Nhà nước số 3706000001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp, đăng ký lại lần thứ 1 ngày 02/10/2003). Năm 2009, các Hợp đồng tín dụng nêu trên được Công ty TNHH MTV Đ kế thừa theo Hợp đồng kế thừa quyền và nghĩa vụ số 01/2009/KHĐT-NHPT ngày 01/4/2009.

Nhà máy Đóng tàu Nh đã ký kết vay tại Chi nhánh Quỹ hỗ trợ Phát triển Khánh Hòa (nay là Chi nhánh NHPT khu vực N) Ngân hàng P , thể hiện qua các hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 02/HĐTD ngày 10/4/2000, để vay số tiền 1.660.000.000 đồng (*Một tỷ sáu trăm sáu mươi triệu đồng*), thời hạn vay 120 tháng (hạn cuối trả nợ vay là tháng 01/2010). Hợp đồng này có đơn vị ủy quyền và bảo lãnh vay vốn là Tổng công ty Công nghiệp T Việt Nam ký xác nhận.

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 02/HĐTD ngày 10/4/2000, Nhà máy Đóng tàu Nh ký kết với Chi nhánh Quỹ hỗ trợ Phát triển Khánh Hòa 04 phụ lục hợp đồng, gồm: Phụ lục hợp đồng tín dụng ngày 19/12/2000, ngày 05/6/2001, ngày 02/10/2001 và ngày 09/4/2002.

Đối với Hợp đồng tín dụng số 02/HĐTD ngày 10/4/2000, tính đến ngày 24/9/2020, Công ty TNHH MTV Đ còn nợ Ngân hàng P - Chi nhánh NHPT khu vực Khánh Hòa – Ninh Thuận số tiền lãi là 10.679.992 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 06/2001/HĐTD ngày 18/7/2001, để vay số tiền 7.638.000.000 đồng (*Bảy tỷ sáu trăm ba mươi tám triệu đồng*), thời hạn vay 135 tháng (hạn cuối trả nợ vay là tháng 5/2012). Hợp đồng này có Tổng công ty Công nghiệp T Việt Nam cùng ký với tư cách đơn vị ủy quyền và bảo lãnh vay vốn.

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 06/2001/HĐTD ngày 18/7/2001, Nhà máy Đóng tàu Nh ký kết với Chi nhánh Quỹ hỗ trợ Phát triển Khánh Hòa Phụ lục hợp đồng tín dụng ngày 04/6/2003, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung ngày 21/4/2015, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung ngày 23/9/2015.

- Hợp đồng kế thừa quyền và nghĩa vụ số 01/2009/HĐKT-NHPT ngày 01/4/2009 và Hợp đồng sửa đổi Hợp đồng kế thừa quyền và nghĩa vụ số 01/2009/HĐKT-NHPT-SĐ2 ngày 11/12/2009.

- Hợp đồng sửa đổi Hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước số 01/2009/HĐKT-NHPT-SDD ngày 31/12/2010.

Đối với Hợp đồng tín dụng số 06/2001/HĐTD ngày 18/7/2001, tính đến ngày 24/9/2020, Công ty TNHH MTV Đ còn nợ Ngân hàng P - Chi nhánh NHPT khu vực N số tiền nợ gốc là 1.314.065.197 đồng, tiền nợ lãi là 62.062.720 đồng.

Tổng cộng, Công ty TNHH MTV Đ còn nợ Ngân hàng P - Chi nhánh NHPT khu vực N theo 02 hợp đồng tín dụng nêu trên là 1.386.807.909 đồng (*Một tỷ ba trăm tám mươi sáu triệu tám trăm lẻ bảy ngàn chín trăm lẻ chín đồng*).

Tài sản thế chấp cho Hợp đồng vay số 02/HĐTD ngày 10/4/2000 và 06/2001/HĐTD ngày 18/7/2001 là:

- Tài sản hình thành từ vốn vay tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước 24/12/2003 là các hạng mục kỹ thuật phân xưởng áo nhựa và các máy móc thiết bị bao gồm các loại tài sản sau: Khu chế tạo vỏ nhựa, máy phân ly dầu nước, máy uốn ống, máy bơm nước, máy phun sơn, máy phun cát, máy nén khí, máy tiện băng dài, máy uốn tole, máy hàn 1 chiều, máy hàn bán tự động, bộ cầu trục công suất 10 tấn, thiết bị kéo tàu, các hạng mục kỹ thuật phân xưởng tàu vỏ nhựa.

Từ năm 2009, hoạt động sản xuất của Công ty TNHH MTV Đ gặp khó khăn, thua lỗ trong nhiều năm liền, không trả được nợ cho Chi nhánh NHPT khu vực N dẫn đến nợ quá hạn. Chi nhánh đã nhiều lần làm việc với Công ty yêu cầu trả nợ theo đúng hợp đồng tín dụng, đồng thời gửi văn bản cho Tổng công ty yêu cầu trả nợ cho Công ty theo cam kết tại các chứng thư bảo lãnh tuy nhiên các đơn vị không thực hiện (Công văn số 499/NHPT.KHOTD ngày 28/9/2009, số 20/NHPT.KHO-TD ngày 20/01/2010, số 91/NHPT.KHOTD ngày 26/3/2010). Công ty TNHH MTV Đ đã có văn bản xin điều chỉnh gia hạn thời gian trả nợ. Ngân hàng P đã xem xét và tạo điều kiện như: gia hạn nợ, khoan nợ, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, dừng tính lãi. Ngoài ra, Chi nhánh đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở, yêu cầu Công ty TNHH MTV Đ cũng như SBIC trả nợ quá hạn nhưng các đơn vị này vẫn không thực hiện trả nợ.

Để bảo vệ quyền và lợi ích của Ngân hàng P, đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử và buộc Công ty TNHH MTV Đ và Tổng công ty Công nghiệp T thanh toán ngay cho Ngân hàng P – Chi nhánh NHPT khu vực N tiền nợ gốc và

lãi tính đến ngày 31/7/2020 là 1.386.807.909 đồng (*Một tỷ ba trăm tám mươi sáu triệu tám trăm lẻ bảy ngàn chín trăm lẻ chín đồng*).

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn căn cứ vào Giấy ủy quyền vay vốn số 1250 CNT/KHĐT-TM ngày 29/12/1999 và Chứng thư bảo lãnh số 61/BL-CNT ngày 15/01/2009 tiếp tục yêu cầu Tổng công ty Công nghiệp T và Công ty TNHH MTV Đ trả cho nguyên đơn số tiền trên, nếu không thực hiện nghĩa vụ trả, đề nghị Tòa án cho kê biên, phát mãi các tài sản bảo đảm đã thế chấp theo Phụ lục hợp đồng bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước ngày 24/12/2003 để thu hồi nợ cho Ngân hàng P. Trường hợp tài sản thế chấp không đủ trả nợ thì Tổng công ty Công nghiệp T và Công ty TNHH MTV Đ tiếp tục trả nợ cho đến khi hết nợ.

- *Quá trình tranh tụng, đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Lê Thị Liên trình bày:*

Đây là khoản vay mà Công ty TNHH MTV Đ nhận kế thừa nợ từ Công ty Công nghiệp Tàu thủy Nha Trang là một doanh nghiệp Nhà nước đã ngừng hoạt động. Việc nhận nợ theo Hợp đồng kế thừa nợ xấu 01/2009/KHĐT-NHPT ngày 01/04/2009 bao gồm: Hợp đồng tín dụng số 02/HĐTD ngày 10/4/2000, số tiền là 386.600.000 đồng và Hợp đồng tín dụng số 06/2001/HĐTD ngày 18/7/2001, số tiền là 2.237.299.683 đồng. Tổng cộng là 2.623.899.683 đồng.

Việc nhận lại tài sản hình thành từ dự án là để bảo quản, khấu hao theo quy định đối với doanh nghiệp Nhà nước. Các tài sản hình thành từ các khoản vay này hiện không sử dụng cho sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH MTV Đóng tàu Nha Trang.

Tính đến ngày 24/9/2020, Công ty TNHH MTV Đ còn nợ Ngân hàng P – Chi nhánh NHPT khu vực N số tiền là: 1.314.065.197 đồng tiền nợ gốc và 62.062.720 đồng tiền nợ lãi đối với Hợp đồng tín dụng số 06/2001/HĐTD ngày 18/7/2001; 10.679.992 đồng tiền nợ lãi đối với Hợp đồng tín dụng số 02/HĐTD ngày 10/4/2000. Tổng cộng là 1.386.807.909 đồng (*Một tỷ ba trăm tám mươi sáu triệu tám trăm lẻ bảy ngàn chín trăm lẻ chín đồng*).

Trước đây, Ngân hàng P – Chi nhánh NHPT khu vực Khánh Hòa – Ninh Thuận có làm việc với Công ty TNHH MTV Đóng tàu Nha Trang, hàng năm hai bên có làm việc 02 lần để đưa ra mức thỏa thuận trả nợ hàng tháng, Công ty cũng đã trả theo đúng tinh thần làm việc của biên bản đến ngày 31/12/2018. Ngày 20/11/2018, hai bên có làm việc để tiếp tục phân kỳ trả nợ cho năm 2019, nhưng nguyên đơn yêu cầu thanh toán dứt điểm nợ còn lại, số nợ còn lại Công ty không thể thanh toán một lần, mà lấy từ lợi nhuận sản xuất kinh doanh để phân kỳ trả nợ.

- *Quá trình tranh tụng, đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tổng công ty Công nghiệp T trình bày:*

Tổng công ty Công nghiệp T có ban hành Chứng thư bảo lãnh số 61/BL-CNT ngày 15/01/2009, với nội dung: Tập đoàn CNTT Việt Nam cam kết

chịu trách nhiệm trả toàn bộ gốc, lãi và các chi phí khác (nếu có) cho Ngân hàng P , chi nhánh Khánh Hòa (nay là Chi nhánh NHPT khu vực N) thay cho Công ty TNHH MTV Đ ngay sau khi nhận được yêu cầu đầu tiên bằng văn bản của Ngân hàng P , chi nhánh Khánh Hòa nêu rõ rằng Công ty TNHH MTV Đ không trả nợ đúng hạn theo lịch trả nợ được ghi trong hợp đồng tín dụng mà không gây tranh cãi hay viện dẫn lý do nào. Chứng thư này không hủy ngang và có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 30/11/2012. Do đó, Chứng thư bảo lãnh số 61BL-CNT ngày 15/01/2009 đã hết hiệu lực và Tổng công ty Công nghiệp T Việt Nam chấm dứt nghĩa vụ bảo lãnh.

Đối với Công văn số 1250/CNT-KHĐT-TM ngày 29/12/1999 của Tổng công ty Công nghiệp T Việt Nam về việc ủy quyền cho Giám đốc các nhà máy ký kết các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ. Công văn này chỉ mang tính chất thông báo về chủ trương của Tổng công ty và đề nghị Quỹ hỗ trợ xem xét giúp đỡ. Do vậy, Công văn này chưa đủ cơ sở pháp lý buộc Tổng công ty thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty TNHH MTV Đóng tàu Nha Trang.

Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2020/DSST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố N , tỉnh Khánh Hòa, quyết định:

Áp dụng Điều 467, Điều 470, Điều 471 và Điều 473 Bộ luật Dân sự năm 1995; Điều 471, Điều 474 và Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 51, Điều 52 và Điều 54 Luật các tổ chức tín dụng năm 1997; Điều 56 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2016; Điều 19 Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2016 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng P . Buộc Công ty TNHH MTV Đ phải trả cho Ngân hàng P số tiền nợ tính đến ngày 24/9/2020 là 1.386.807.909 đồng (*Một tỷ ba trăm tám mươi sáu triệu tám trăm lẻ bảy ngàn chín trăm lẻ chín đồng*).

- Trường hợp Công ty TNHH MTV Đ không thanh toán nợ nêu trên thì Ngân hàng P được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp để thu hồi các khoản nợ.

- Trường hợp Công ty TNHH MTV Đ đã trả hết cho Ngân hàng P số tiền 1.386.807.909 đồng thì Ngân hàng trả lại toàn bộ giấy tờ (Bản gốc) có liên quan đến tài sản thế chấp theo Phụ lục bảo đảm tiền vay ký kết ngày 24/12/2003.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo qui định.

Ngày 07 tháng 10 năm 2020, Ngân hàng P có đơn kháng cáo đối với một phần quyết định của án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về

nghĩa vụ trả nợ thay của Tổng công ty Công nghiệp T theo cam kết tại hợp đồng tín dụng và Công văn số 1250/CNT/KHĐT-TM ngày 29/12/1999 của Tổng công ty Công nghiệp T ; chưa xử lý số tiền 5.000.000 đồng mà nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phan Thị Hoài Th rút một phần kháng cáo về xử lý tiền tạm ứng chi phí tố tụng mà nguyên đơn đã nộp và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng cáo còn lại của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng

[1.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên được phân công tham gia phiên tòa phúc thẩm vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tổng công ty Công nghiệp T vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án theo thủ tục chung.

[1.2] Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phan Thị Hoài Th rút một phần kháng cáo đối với án sơ thẩm về xử lý tiền tạm ứng chi phí tố tụng. Việc rút một phần kháng cáo nêu trên của người kháng cáo là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ khoản 3 Điều 289, đình chỉ xét xử đối với phần kháng cáo nêu trên.

[2] Về nội dung kháng cáo

[2.1] Ngày 29/12/1999, Tổng công ty Công nghiệp T Việt Nam (nay là Tổng công ty Công nghiệp T) có Công văn số 1250/CNT-KHĐT-TM, ủy quyền cho Giám đốc các nhà máy Bạch Đằng, Sông Cấm, Bến Thủy, Nha Trang, Nhà máy sửa chữa tàu biển và giàn khoan trực tiếp ký hợp đồng tín dụng vay vốn, khế ước nhận nợ và trả nợ tại các chi nhánh của Quỹ. Tổng công ty Công nghiệp T Việt Nam sẽ có trách nhiệm trả nợ khi nhà máy thực sự không có khả năng trả.

Thực hiện Công văn số 1250/CNT-KHĐT-TM, Nhà máy Đóng tàu Nh và Chi nhánh Quỹ Hỗ Trợ Phát triển Khánh Hòa ký kết 02 hợp đồng cho vay vốn tín dụng đầu tư phát triển, cụ thể: Hợp đồng cho vay vốn tín dụng đầu tư phát triển số 02/HĐTD ngày 10/4/2000 (gọi tắt là Hợp đồng tín dụng số 02). Tại khoản 5 Điều 15 của Hợp đồng quy định: “*Bên cho vay có quyền yêu cầu chủ đầu tư là Tổng công ty Công nghiệp T Việt Nam trả nợ gốc và lãi khi bên vay thực sự không có khả năng chi trả (Theo Công văn số 1250/CNT-KHĐT-TM ngày 29/12/1999)*”. Và Hợp đồng cho vay vốn tín dụng đầu tư phát triển số 06/2001/HĐTD ngày 18/7/2001 (gọi tắt là Hợp đồng tín dụng số 06). Tại đoạn 3 Điều 11 của Hợp đồng quy định: “*Tổng công ty Công nghiệp T Việt Nam là đơn vị bảo lãnh cho Nhà máy đóng tàu vay vốn. Tổng Công ty phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo đúng quy định tại Công văn số 1250/CNT-KHĐT-TM ngày 29/12/1999, đơn đốc Nhà máy Đóng tàu Nh hoàn trả nợ gốc và lãi đúng*

thời hạn trong hợp đồng. Mặt khác, khi bên vay không có khả năng trả nợ gốc và lãi, tài sản bảo đảm tiền vay khi xử lý nếu không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ, bên bảo lãnh phải tiếp tục trả nợ đã cam kết như trên”. Hai hợp đồng cho vay vốn tín dụng đầu tư phát triển nêu trên đều có xác nhận của Tổng công ty Công nghiệp T Việt Nam là đơn vị ủy quyền và bảo lãnh vay vốn.

[2.2] Ngày 15/01/2009, Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam ban hành Chứng thư bảo lãnh số 61/BL-CNT về việc bảo lãnh tín dụng, có nội dung: *“Chấp thuận bảo lãnh không hủy ngang cho Công ty TNHH MTV Đóng tàu Nha Trang, địa chỉ 01 T, Vĩnh Trường, Nha Trang giá trị còn lại của các Hợp đồng tín dụng số 02 và Hợp đồng tín dụng số 06 tại Ngân hàng P – Chi nhánh Khánh Hòa với số tiền là 3.070.361.683 đồng để thực hiện chuyển giao tài sản cố định hình thành từ nguồn vốn vay theo 02 (hai) hợp đồng tín dụng nói trên nhằm phục vụ phương án sản xuất kinh doanh đã được phê duyệt....Trong trường hợp Công ty TNHH MTV Đ không trả nợ vay đúng hạn, Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam cam kết chịu trách nhiệm trả toàn bộ số gốc, lãi và chi phí khác (nếu có) cho Ngân hàng P – Chi nhánh Khánh Hòa thay cho Công ty TNHH MTV Đ ngay sau khi nhận được yêu cầu đầu tiên bằng văn bản của Ngân hàng P – Chi nhánh Khánh Hòa nêu rõ rằng Công ty TNHH MTV Đ không trả nợ đúng hạn theo lịch trả nợ được ghi trong hợp đồng tín dụng mà không tranh cãi hay viện dẫn lý do nào. Chứng thư bảo lãnh này không hủy ngang, có tính chất pháp lý liên tục và có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 30/11/2012”.*

Ngày 01/4/2009, Ngân hàng P – Chi nhánh Khánh Hòa và Công ty TNHH MTV Đ ký kết Hợp đồng kế thừa quyền và nghĩa vụ số 01/2009/HĐKT-NHPT (gọi tắt là Hợp đồng kinh tế số 01). Tại Điều 2 của Hợp đồng quy định: *“Trường hợp Bên B không thực hiện trả nợ đầy đủ cho Bên A, Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam (Chủ đầu tư của dự án) có trách nhiệm trả nợ thay cho Bên B theo đúng Cam kết tại chứng thư Bảo lãnh số 61/BL-CNT ngày 15/01/2009”.*

[2.3] Từ nội dung nêu tại mục [2.1] và [2.2], có căn cứ xác định nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ theo các Hợp đồng tín dụng số 02 và Hợp đồng tín dụng số 06 cho Nhà máy Đóng tàu Nh của Tổng công ty Công nghiệp T tại Công văn số 1250/CNT-KHĐT-TM ngày 29/12/1999 đã được thay thế bằng Chứng thư bảo lãnh số 61/BL-CNT ngày 15/01/2009, bảo lãnh giá trị còn lại của Hợp đồng tín dụng số 02 và Hợp đồng tín dụng số 06 cho Công ty TNHH MTV Đ là chủ thể kế thừa toàn bộ các quyền và nghĩa vụ của Công ty Công nghiệp tàu thủy Nha Trang (trước là Nhà máy Đóng tàu Nha Trang) phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng số 02 và Hợp đồng tín dụng số 06.

Thực hiện Hợp đồng kế thừa quyền và nghĩa vụ số 01/2009/HĐKT-NHPT ngày 01/4/2009, Ngân hàng P – Chi nhánh NHPT Khánh Hòa đã có nhiều văn bản yêu cầu Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam (Tổng công ty Công nghiệp T) thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết tại Chứng thư bảo lãnh số 61/BL-CNT ngày 15/01/2009. Sau khi Chứng thư bảo lãnh số 61/BL-CNT ngày 15/01/2009 hết hiệu lực, giữa Ngân hàng P và Tổng công ty Công nghiệp

T không có thỏa thuận bảo lãnh nào khác về nghĩa vụ trả nợ phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng số 02 và Hợp đồng tín dụng số 06, nên không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo của Ngân hàng P .

[2.4] Cấp sơ thẩm tuyên, trường hợp Công ty TNHH MTV Đ không thanh toán nợ nêu trên thì Ngân hàng P được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp để thu hồi các khoản nợ, nhưng không nêu rõ tài sản thế chấp là các loại tài sản nào là không cụ thể, gây khó khăn cho thi hành án. Cấp phúc thẩm điều chỉnh lại cho phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 289; khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo về nội dung xử lý tiền tạm ứng chi phí tố tụng.

2. Không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng P . Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 467, Điều 471 và Điều 473 Bộ luật Dân sự 1995; khoản 4 Điều 371 và Điều 474 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 51, Điều 52 và Điều 54 Luật Các tổ chức tín dụng 1997; Điều 10, Điều 11, Điều 12 và Điều 56 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2016 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng P .

2.1.1. Buộc Công ty TNHH MTV Đ phải trả cho Ngân hàng P số tiền nợ tính đến ngày 24/9/2020 là 1.386.807.909 đồng (*Một tỷ ba trăm tám mươi sáu triệu tám trăm lẻ bảy ngàn chín trăm lẻ chín đồng*).

2.1.2. Trong trường hợp Công ty TNHH MTV Đ không thanh toán nợ nêu trên thì Ngân hàng P có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản để đảm bảo tiền vay theo Hợp đồng bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước ngày 24/12/2003, gồm: 01 Khu chế tạo vỏ nhựa, 01 máy phân ly dầu nước, 01 máy uốn ống, 01 máy bơm nước, 01 máy phun sơn, 01 máy phun cát, 01 máy nén khí, 01 máy tiện băng dài, 01 máy lốc tole, 01 máy hàn một chiều, 01 máy hàn bán tự động, 01 bộ cầu trục công suất 10 tấn, 01 TB kéo tàu, 01 các HM kỹ thuật PX tàu vỏ nhựa để thu hồi nợ.

2.1.3. Ngân hàng P phải trả cho Công ty TNHH MTV Đ toàn bộ giấy tờ gốc và các giấy tờ khác có liên quan đến các tài sản bảo đảm tiền vay nêu tại mục 2.1.2, khi Công ty TNHH MTV Đ thanh toán xong tiền nợ.

2.1.4. Về chi phí tố tụng:

Công ty TNHH MTV Đ phải hoàn trả cho Ngân hàng P 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) chi phí tố tụng.

Qui định: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

- Công ty TNHH MTV Đ phải nộp 53.600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho Ngân hàng P 26.800.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0011378 ngày 07/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- Ngân hàng P phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0017492 ngày 08/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Ngân hàng P đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- TAND TP.Nha Trang;
- VKSND TP.Nha Trang;
- Chi cục THADS TP.Nha Trang;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Hữu Viên

